

KHẢO SÁT TỪ "VỀ" VÀ NHỮNG PHÂN TÍCH BƯỚC ĐẦU VỀ MỘT QUÁ TRÌNH HƯ HÓA TRONG TIẾNG VIỆT

VŨ VĂN THI

1. Quá trình hư hóa đề tạo nên một hệ thống hư từ trong tiếng Việt đã được nhiều nhà nghiên cứu Việt ngữ học quan tâm. Trong bài viết này, tôi chỉ muốn trình bày, phân tích một quá trình hư hóa thông qua sự khảo sát từ "về".

2. Sự lựa chọn từ "về" để khảo sát và phân tích quá trình chuyển hóa bắt nguồn từ chức năng đa dạng của nó trong các cấu trúc khác nhau trên diện đồng đại (1). Vì vậy, quá trình chuyển hóa của từ "về" có thể được xem như là một quá trình hư hóa điển hình.

3. Khảo sát từ "về" qua các giai đoạn cho thấy rằng :

- Trong tác phẩm Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi thế kỷ 15, "về" được sử dụng 23 lần, thì cả 23 lần đều có ý nghĩa và chức năng của một động từ.

- Trong từ điển Alecxăngđrôt và các bài viết của Igescô Văn Tín, Bentô Thiện; thế kỷ 17, "về" bên cạnh chức năng là động từ còn có chức năng là từ chỉ hướng:

Ví dụ : + Chỉ hướng không gian :

" Từ năm thầy *trở về* khỏi, thì hai thầy ở lại chịu nhiều sự khó lắm thì rằng đầu hai thầy chẳng có *trở về* - Áo môn, song le cũng như về vậy mà các thầy về đến Macao thì đã xong.

(Tài liệu viết tay 1659 của Igescô Văn Tín

lịch sử chữ quốc ngữ tr.93-94)

+ Chỉ hướng thời gian :

"Từ nay về sau"

(Từ điển Alecxangđrôt - tr. 383)

- Trong Truyện Kiều của Nguyễn Du thế kỷ 18, "về" được sử dụng 79 lần, có 67 trường hợp "về" có chức năng của một động từ, 12 trường hợp được dùng với chức năng là từ chỉ hướng không gian và thời gian.

Ví dụ : + "Tà tà bóng ngả về tây".

(Từ điển truyện Kiều)

+ "Sông Tiền đường sẽ hẹn hò về sau"

(Từ điển truyện Kiều)

Như vậy ở thế kỷ 15 "về" chỉ có chức năng là một động từ, đến thế kỷ 17, 18 "về" có thêm một chức năng mới là từ chỉ hướng : không gian và thời gian; "về" với chức năng là giới từ chưa xuất hiện ở thời kỳ này. Hiện nay "về" được dùng ở cả 3 chức năng : động từ, phó từ chỉ hướng và giới từ.

4.a. Khảo sát các trường hợp sau:

- (Tôi) về nhà (1)
- (Tôi) đi về nhà (2)
- (Tôi) nhìn về Hà Nội (3)
- Từ nay về sau (4)
- (Tôi) nghĩ về vấn đề này (5)

Trong kết cấu (1) "về" có chức năng là động từ vị ngữ với ý nghĩa : trở lại nơi mình đã đi khỏi, hay đến nơi mình có sự gắn bó mật thiết, nơi chọn làm trung tâm. Cơ chế ngữ nghĩa của từ còn đầy đủ hai nghĩa tố cơ bản là :

Vận động + hướng.

Do còn đầy đủ ý nghĩa từ vựng ngữ pháp nên "về" có khả năng tham gia vào cấu trúc với tư cách là một yếu tố độc lập làm thành phần câu như : làm vị ngữ (kết cấu (1) hay định ngữ như : "Đường về quê mẹ").

Ở kết cấu (2) "về" không được sử dụng một cách bình thường như là một yếu tố có sức mạnh chi phối độc lập, có khả năng tạo thành phần câu mà nó được sử dụng một cách khác thường là làm thành tố phụ bổ sung ý nghĩa hướng cho động từ vị ngữ.

kiểu : C - V₁ ← V₂ - B

C- chủ ngữ
V- vị ngữ
B - bổ ngữ

So sánh lượng thông tin ta thấy : lượng thông tin ở kết cấu (1) nhỏ hơn lượng thông tin ở kết cấu (2)

Kết cấu (1) : Về (nhà) = vận động + hướng.

Kết cấu (2) : Chạy về (nhà) = Phương thức vận động + vận động + hướng.

Nếu xét riêng ý nghĩa của "về" thì lượng thông tin của "về" (1) lại lớn hơn "về" (2)

(1) : Về nhà. Về = vận động + hướng

(2) : chạy về nhà. Về = hướng.

Ở kết cấu (2) ý nghĩa vận động do động từ chính V1 đảm nhiệm, "về" chỉ có giá trị bổ sung ý nghĩa hướng cho động từ, phụ thuộc vào động từ như một phó từ.

Xét trên mặt đồng đại "về" (2) không phải là động từ mà chỉ là từ chỉ hướng. Nhưng nếu xét về mặt lịch đại, khi lần đầu tiên cấu trúc chuyển động không gian có hướng kiểu

C - V₁ ← V₂ - B xuất hiện trong ngôn ngữ thì "về" được sử dụng như là một

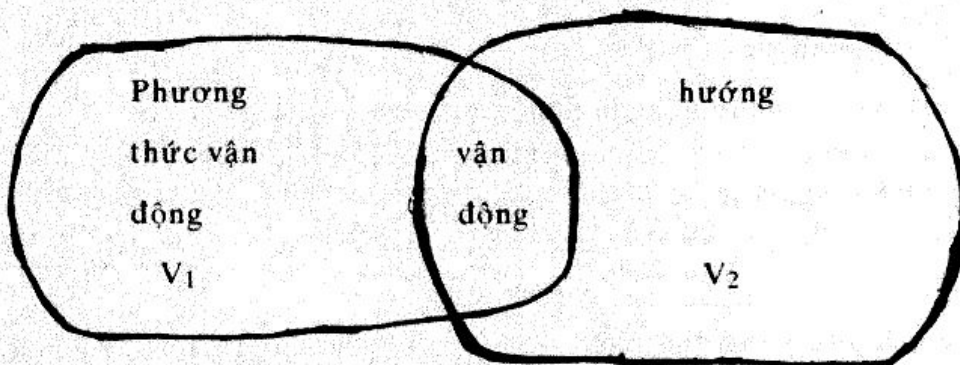
động từ đầy đủ đặt vào vị trí đứng sau những động từ vận động - động tác nhằm bổ sung ý nghĩa hướng cho động từ đó. Cơ chế ngữ nghĩa của từ là một yếu tố vững bền, không phải ngay từ lúc đầu nghĩa tố "hướng" đã tách rời nghĩa tố "vận động" trong cơ chế cấu trúc ngữ nghĩa động từ của nó, và nó tham gia vào cấu trúc với toàn bộ cơ chế ngữ nghĩa của mình bao hàm cả nghĩa tố hướng lẫn nghĩa tố vận động.

Mối quan hệ về nghĩa giữa V1 và V2 có thể thấy như sau :

V1 (chạy) gồm : phương thức vận động + vận động.

V2 (về) gồm : vận động + hướng.

Sự kết hợp nghĩa có thể được minh họa theo sơ đồ sau :



Như vậy V2 có quan hệ lập nghĩa với V1 (lập nghĩa "vận động"). Song, nghĩa tố "vận động" có xu thế gắn chặt hơn với nghĩa tố phương thức vận động nên cơ chế ngữ nghĩa của V1 được bảo toàn.

Nghĩa tố "vận động" đã được V1 biểu thị, do vậy, nghĩa tố vận động của V2 xét về mặt thông báo là thừa, vì nó không đem lại một lượng thông tin mới nào vào thông báo.

Do tính chất thừa nghĩa trong cấu trúc như vậy nên trong quá trình sử dụng nghĩa tố "vận động" có xu hướng mất dần và nghĩa tố "hướng" dần dần tách khỏi nghĩa tố vận động. Đến một lúc nào đó "về" được sử dụng như một từ có ý nghĩa "hướng" riêng biệt, độc lập với cơ chế ngữ nghĩa của từ gốc "về" (1). Lúc này nó đã thực sự chuyển hóa thành từ chỉ hướng :

Ví dụ : như kết cấu (3) : Nhìn về Hà Nội.

"Về" trong kết cấu (3) có ý nghĩa là từ chỉ hướng, so với từ chỉ hướng trong kết cấu chuyển động không gian "về" (2) thì "về" (3) đã hư hóa hơn một bước, thể hiện : nó không có quan hệ lập thừa với V1 (nhìn) tức là nghĩa tố vận động đã hoàn toàn mất, nghĩa tố "hướng" được sử dụng một cách biệt lập. Cùng với sự hư hóa về mặt ý nghĩa là sự nhược hóa về mặt chức vụ cú pháp ; từ chỗ "về", không bỏ được trong kết cấu chuyển động không gian ("về" (2)) đến chỗ bỏ được ("về" (3)), tức là ("về" 3) không có vai trò cú pháp bắt buộc. Do đó khi bỏ "về" ý nghĩa thông báo cơ bản không thay đổi.

Ví dụ : Nhìn về Hà Nội + (1)

Nhìn Hà Nội + (2)

Tuy có sự khác nhau đó song "về" (2) , "về" (3) đều nằm trong phạm vi của từ chỉ hướng xác định hướng cho động từ vị ngữ V1 - có tính chất như một phó từ.

Bên cạnh tính chất xác định hướng cho động từ, "về" 2, "về" 3 còn có một tính chất khác nữa là thể hiện mối quan hệ cú pháp giữa động từ và bổ ngữ. Do đó "về" 2 không thể bỏ được trong cấu trúc, "về" 3 chỉ bỏ được trong điều kiện cho phép, còn xu thế chung là có vai trò cú pháp bắt buộc. Như vậy "về" trong những cấu trúc kiểu này có hai đặc điểm:

- Vừa có tính chất của một phó từ
- Vừa có tính chất của một giới từ

Ở đây, cả ý nghĩa từ vựng lẫn ý nghĩa ngữ pháp đều song song phát huy.

Kết cấu (4) "từ nay về sau" là một thành phần trạng ngữ, "về" 4 cũng mang nghĩa tố "hướng" nhưng đã trừu tượng hơn so với "về" 3. Nó không phải là hướng không gian như "về" 3 mà là chỉ hướng thời gian.

Trong kết cấu (5) bản thân động từ "nghĩ" (V_1) không phải là một hoạt động có hướng cụ thể mà là một hoạt động của tư duy. Hoạt động của tư duy con người có tính chất là hướng vào một điểm, một đối tượng nào đó để nhận thức và đối tượng ấy sẽ có tính chất nội dung khi nó là một đối tượng trừu tượng. Vì vậy ở đây đối tượng hay nội dung mà hoạt động nhận thức hướng tới ứng với điểm đến trên trục không gian. Do đó "về" 5 vẫn có tính chất hướng nhưng đã trừu tượng hơn nhiều, không phải là hướng không gian như "về" 3, cũng không phải là hướng thời gian như "về" 4 mà là hướng của hoạt động tư duy có tính chất tâm lý.

Ở kết cấu (5) "về" đã hư hóa rất cao, ý nghĩa từ vựng rất thấp, ý nghĩa ngữ pháp phát huy cao độ "về" 5 được coi như là một giới từ thực thụ. Nó có xu hướng gắn chặt với thành phần phụ thực hiện chức năng dạng thức hóa từ hoặc cụm làm thành phần phụ. Khi hoán vị "về" luôn luôn đi liền với thành phần phụ :

- Ví dụ : Tôi đã nghĩ về vấn đề này (+)
Về vấn đề này tôi đã nghĩ (+)
Vấn đề này tôi đã nghĩ về (-)

"Về" 5 hầu như không còn ý nghĩa từ vựng mà chỉ có ý nghĩa quan hệ. Do vậy trong kết cấu (5) nó thực sự là quan hệ từ. Cấu trúc $C - V_1 \leftarrow V_2 - B$ (về 3) chuyển thành $C - V_1 - q - B$ (về 5) (q - quan hệ từ). Đến đây có thể nói : quá trình chuyển hóa từ thực từ thành giới từ đã hoàn thành. Quá trình hư hóa đó được thực hiện từng bước một, bước hư hóa trước làm tiền đề cho bước hư hóa sau.

Quá trình chuyển hóa ấy là : khi ý nghĩa từ vựng - ngữ pháp còn đầy đủ, từ có khả năng làm thành phần chính. Khi đã bị hư hóa, từ chỉ sử dụng một nghĩa tố bổ sung cho động từ vị ngữ, nó chỉ có khả năng làm thành phần phụ, vừa bổ nghĩa cho động từ (có tính chất phó từ, vừa có chức năng thể hiện mối quan hệ cú pháp giữa động từ và bổ ngữ (có tính chất giới từ)

Kết cấu : $C - V_1 - V_2 - B$

Khi đã hư hóa đến mức cao, không còn khả năng bổ sung ý nghĩa nào cho động từ nữa, ý nghĩa từ vựng mờ đi, ý nghĩa ngữ pháp phát huy cao độ, từ vừa thể hiện mối quan

hệ giữa động từ và bổ ngữ, vừa có xu hướng gắn chặt với thành phần phụ.

Kết cấu : C - V - q - B (V₂ chuyển hóa thành q)

Do xu thế tách rời động từ gắn với thành phần phụ nên sự hoạt động của nó tương đối tự do, nó có thể làm cho thành phần phụ tham gia vào các kết cấu khác nhau như kết cấu trạng ngữ kiểu : q - D - C - V - B.

Ví dụ : "Về chuyển di ấy, tôi nhớ nhất cái chuyện nhỏ này"

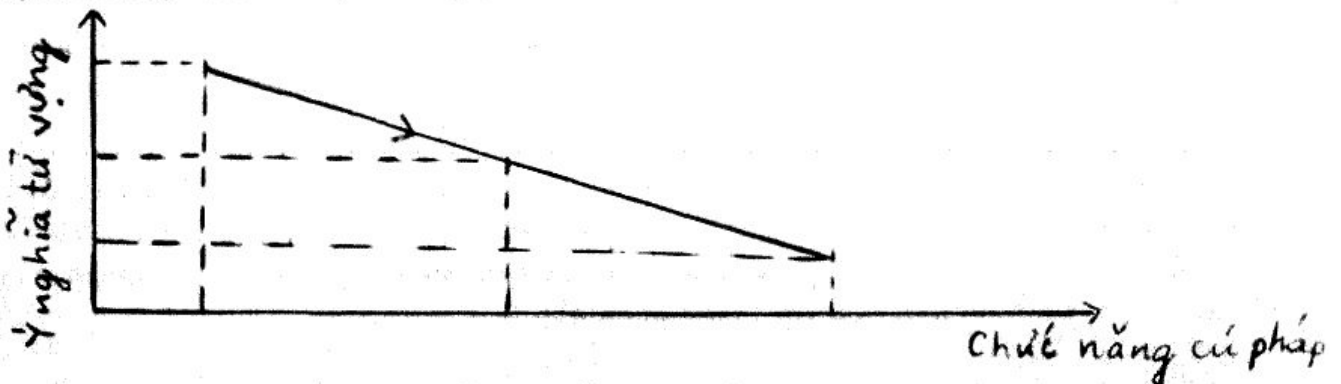
(Kỷ niệm về người con đã đi xa - Nguyễn Khải).

hay kết cấu định ngữ kiểu :

D₁ - q - D₂ (D : danh hoặc cụm danh)

Ví dụ : Chính sách về kinh tế

4.b. Từ sự phân tích - khảo sát quá trình phát triển trên, nếu đặt lại vào quá trình phát triển lịch sử (như phần tư liệu đã khảo sát (xem phần 3 trang 1)) thì quá trình chuyển hóa ấy có thể được biểu diễn theo sơ đồ sau :



Về₁ : C - V - B Về_{2,3} C - V₁ ← V₂ - B Về₅ C - V - q - B

động từ phó từ chỉ hướng giới từ

Thế kỷ 15 _____

Thế kỷ 17, 18 _____

Thế kỷ 20 _____

Quá trình chuyển hóa này được thực hiện dưới tác động của các nhân tố sau:

- Nhân tố cú pháp : là việc sử dụng từ một cách khác thường vào trong cấu trúc, dẫn đến hiện tượng thừa nghĩa của từ mở đầu cho quá trình hư hóa.

Quá trình hư hóa tiếp theo là một quá trình sử dụng một cách trừu tượng hóa ý nghĩa "hướng" của từ : từ hướng không gian, hướng thời gian đến hướng có tính chất tâm lý là một quá trình liên tục, có sự kế thừa và chuyển tiếp, bước hư hóa trước làm cơ sở cho bước hư hóa sau.

- Nhân tố ý nghĩa :

+ Ý nghĩa gốc có vai trò quan trọng, "về" là một động từ chỉ sự chuyển động chung (không có phương thức cụ thể), ý nghĩa trừu tượng khái quát cao, do vậy khả năng kết

hợp rộng để dẫn đến quá trình hư hóa của từ.

- + Nghĩa tố trong cơ chế ngữ nghĩa của từ có vai trò quyết định. Mọi thao tác của quá trình chuyển hóa đều tiến hành trên cơ sở nghĩa tố. Nghĩa tố là nhân tố ý nghĩa có giá trị quyết định sự xuất hiện của từ vào trong cấu trúc cú pháp khác thường, dẫn đến hiện tượng thừa nghĩa của từ, và tiếp theo là quá trình mất dần ý nghĩa thừa đó trong cấu trúc tạo nên quá trình hư hóa.

SPECULATING THE WORD "VỀ" TO FIND THE CHANGING PROCESS FROM LEXICAL MEANING WORDS INTO GRAMMARTICAL WORDS IN VIETNAMESE LANGUAGE

Vu Van Thi

The paper is about the process of changes from lexical meaning words into grammatical word as prepositions, conjunctions, or modifying elements.

The paper also mention on historical perspectives that reflect these changes: and it may have contribution on explaining the feature of poly-function word in Vietnamese and historical development of Vietnamese language - a monosyllabic language.